

PHU LUC: TÌNH HÌNH GIÁ CẢ MỘT SỐ NÔNG SẢN THỰC PHẨM

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-SNN ngày

tháng

năm 2016)

1. Ngành trồng trọt

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 16/9/2016 (đồng/kg)	Giá bán ngày 09/9/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 09/9/2016 (đồng/kg)		Địa điểm khảo sát giá
				Giá trị	%	
1	Bầu xanh - Bầu sao	9.000	9.000	Giá không đổi		(*)
2	Bí Xanh (Bí đao)	10.000	10.000	Giá không đổi		(*)
3	Cải nà (cải rổ)	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
4	Cải ngọt	14.000	14.000	Giá không đổi		(*)
5	Cải xanh	15.000	15.000	Giá không đổi		(*)
6	Rau dấp cá (diếp cá)	32.500	32.500	Giá không đổi		(*)
7	Dưa leo	10.000	10.000	Giá không đổi		(*)
8	Húng quế	22.000	22.000	Giá không đổi		(*)
9	Khổ qua	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
10	Mướp hương	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
11	Rau lang	10.500	10.500	Giá không đổi		(*)
12	Đậu đũa	13.000	13.000	Giá không đổi		(*)
13	Rau đắng	11.000	10.000	1.000	10	(*)
14	Rau dền	12.000	10.000	2.000	20	(*)
15	Rau húng cây	33.000	33.000	Giá không đổi		(*)
16	Rau má	19.000	19.000	Giá không đổi		(*)
17	Rau mồng tơi	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
18	Rau muống	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
19	Rau ngót	15.000	14.000	1.000	7	(*)
20	Rau ôm	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
21	Cần nước	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
22	Cải ngồng	17.000	16.000	1.000	6	(*)
23	Rau tía tô	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
24	Ngò rí	40.000	40.000	Giá không đổi		(*)
25	Hẹ lá	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
26	Ngò gai	28.000	28.000	Giá không đổi		(*)
27	Rau đay	19.000	19.000	Giá không đổi		(*)
28	Cải thìa	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
29	Đậu bắp	17.000	17.000	Giá không đổi		(*)

(*) HTX NN SX TM & DV Phước An, D11/24, ấp 4, Tân Quý Tây, Bình Chánh

2. Sữa tươi, thịt bò

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 16/9/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 09/9/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 16/8/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm khảo sát giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1. Sữa tươi								

1.1	Giá mua sữa (Vinamilk)	13.300 đến 13.750 đ/lít	Giá không đổi		Giá không đổi		Giá thu theo HĐ	(1)
1.2	Giá mua sữa (Friesland - Campina)	12.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Giá thu theo HĐ	(1)
2. Thịt bò								
2.1	Bò Bắp	245.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.2	Đùi bò	280.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.3	Thăn nội	360.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.4	Thăn ngoại	340.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
3. Thịt heo								
3.1	Thịt heo đùi	80.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(3)
3.2	Thịt heo nạc	85.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(3)
3.3	Thịt heo hơi	45.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(4)

(1) Sữa tươi lấy giá tại HTX NN Xuân Lộc, Trạm thu mua tại Vĩnh Lộc;

(2) Thịt bò lấy giá tại cửa hàng Vissan;

(3) Thịt heo đùi, nạc lấy giá tại chợ Bà Chiểu;

(4) Thịt heo hơi tại Trại heo hộ Nguyễn Thị Châu - xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn;

3. Trứng, gạo

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 16/9/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 09/9/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 16/8/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1	Trứng gà (hộp 10 quả)	23.000 đ/10quả	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiểu
2	Trứng vịt (hộp 10 quả)	34.000 đ/10quả	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiểu
3	Gạo một bụi	12.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiểu
	Gạo nàng	20.000 đ/kg	Giá		Giá		Bán lẻ	Bà

4	thơm chợ Đào		không đổi		không đổi			Chiều
5	Gạo tài nguyên	16.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu
6	Gạo Đài Loan	18.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu
7	Gạo Tẻ thường	10.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu

4. Thịt heo, thịt gia cầm

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 16/9/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 09/9/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước ngày 16/8/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị	%	Giá trị	%		
1. Thịt heo								
1.1	Heo bên (giá nhập chợ) thịt	52.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
1.2	Heo bên (giá bán thẳng) thịt	52.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
1.3	Heo mảnh loại 1	65.000 đ/kg	+2.000	3	+5.000	8	Bán buôn	(2)
1.4	Heo mảnh loại 2	55.000 đ/kg	Giá không đổi		+2.000	4	Bán buôn	(2)
2. Thịt gia cầm								
2.1	Thịt gà tam hoàng	64.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.2	Thịt gà công nghiệp	41.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.3	Thịt vịt tươi	60.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)

(1) lấy giá tại chợ Bình Điền;

(2) lấy giá tại chợ Hóc Môn.

5. Tinh heo, thức ăn gia súc

Stt	Tên mặt hàng	Quy cách	Giá bán ngày 16/9/2016 (đồng/bao)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 09/9/2016 (đồng/bao)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 16/8/2016 (đồng/bao)		Ghi Chú
				Giá trị	%	Giá trị	%	
a. Tinh heo								
1	Tinh heo CP	Liều	55.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
b. Heo giống								
1	Heo giống (20kg)	Kg	85.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
c. Thức ăn hỗn hợp								
1	Từ 15kg đến 30 kg (CP)	Bao 25kg	232.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
2	Từ 30 kg đến 60 kg (CP)	Bao 25kg	220.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
3	Từ 15kg đến 30 kg (NUPAK)	Bao 25kg	250.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
4	Từ 30 kg đến 60 kg (NUPAK)	Bao 25kg	240.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
5	Từ 61 kg đến xuất chuồng (NUPAK)	Bao 25kg	237.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
d. Nguyên liệu								
1	Bắp nhuyễn	Kg	7.200	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
2	Tám nhuyễn	Kg	7.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
3	Cám gạo	Kg	6.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
4	Bột cá nư	Kg	20.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
5	Khô đậu nành	Kg	13.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)

(*) Thịt heo hơi tại Trại heo hộ Nguyễn Thị Châu - xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn